

Bản án số: 454/2024/DS-PT

Ngày: 30-10-2024

V/V: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Phan Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thảo Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 263/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DSST ngày 09 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 396/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị N**, sinh năm 1981; Địa chỉ: 1 khu vực Bình Thường B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ liên hệ: 1 tổ H, khu vực T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- Bị đơn:

1/ Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3/ Ông **Nguyễn Phú T**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Mai Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà N cho phía bị đơn vay tiền nhiều lần, sau cùng tổng kết nợ lại vào ngày 30/5/2023 với tổng số tiền 950.000.000đ và thời hạn trả là 01 tháng. Bị đơn vay tiền mục đích để sử dụng cho công việc và sửa chữa nhà. Từ ngày 30/5/2023 đến nay phía bị đơn chưa trả vốn, lãi lẫn nào.

Lúc bị đơn vay tiền, bị đơn có cầm cố cho nguyên đơn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) thửa 386 và thửa 381; tờ bản đồ số 6; đất tọa lại tại ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận QSDĐ này do phía bị đơn giao cho bên bà N cùng ngày 30/5/2023. Hiện tại phía nguyên đơn đang giữ 02 bản gốc giấy chứng nhận QSDĐ này và 02 giấy chứng nhận QSDĐ này không có đăng ký thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Nguyễn Phú T cùng liên đới trả nợ vốn gốc là 950.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 92.202.000đ. Tổng số tiền là 1.042.202.000đ và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 0,83%/ tháng.

Đối với yêu cầu phân tố của ông T, nguyên đơn không chấp nhận và đề nghị bác yêu cầu phân tố của ông T.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà là con của bà Lê Thị M và ông Nguyễn Phú T. Bà có vay nhiều lần nhưng giao dịch nhận tiền với bà Nguyễn Thị Đ1, bà có yêu cầu bà Đ1 đến Tòa nhưng bà Đ1 không chịu đến. Đối với giấy nhận tiền số tiền 550.000.000đ lập ngày 15/12/2021, bà đã trả nợ xong, còn giấy nhận tiền số tiền 768.000.000đ lập ngày 15/8/2022 tính đến ngày 30/5/2023 bà còn nợ vốn và cộng lãi vào thành số tiền 950.000.000đ. Tuy nhiên, bà đã ký biên nhận nợ nên bà thừa nhận nợ và bà đồng ý tiền lãi theo quy định pháp luật. Việc bà vay tiền để sử dụng cho cá nhân bà, lúc vay tiền cha bà cũng không biết.

Còn 02 giấy nhúng nhận quyền sử dụng đất, bà lấy đi cầm để làm tin. Việc bà đem cầm 02 giấy chứng nhận, cha bà không biết. Do đó, bà đề nghị nguyên đơn trả lại 02 giấy chứng nhận cho cha bà.

Bị đơn là bà Lê Thị M trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của con bà (là bà Nguyễn Thị Ngọc Đ).

Bị đơn là ông Nguyễn Phú T trình bày: Ông không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới, vì ông không biết đến số tiền vay này. Ông cũng không có ký tên trong biên nhận nợ. Ông yêu cầu bà N trả lại 02 giấy nhận chứng nhận QSDĐ cho ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 09/07/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị N tổng số tiền 1.042.202.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng). Trong đó: vốn gốc là 950.000.000đ và lãi là 92.202.000đ.

Kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Nguyễn Phú T.

Buộc bà Mai Thị N trả lại cho ông T 02 (hai) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 386 và thửa 381; tờ bản đồ số 6; đất tọa lạc tại ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/07/2024 nguyên đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Phú T có nghĩa vụ liên đới trả nợ, bác yêu cầu phân tố của ông Nguyễn Phú T về việc đòi lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Nguyễn Phú T đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì nguyên đơn cho bà Đ và bà M vay, ông T hoàn toàn không biết, bà Đ vay tiền không liên quan đến ông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá các chứng cứ đương sự cung cấp và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn là bà Mai Thị N khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả nợ theo giấy mượn tiền 950.000.000đ lập ngày 30/5/2023, nội dung bà Đ và bà M có mượn của nguyên đơn 950.000.000đ, thời gian 01 tháng sẽ thanh toán. Tuy nhiên, bà Đ và bà M không thực hiện đúng thỏa thuận.

Cấp sơ thẩm buộc bà Đ và bà M liên đới trả cho nguyên đơn 950.000.000đ vốn và 92.202.000đ tiền lãi (lãi suất 10%/năm, thời gian trả lãi từ 01/7/2023 đến 04/7/2024), là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2] *Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Phú T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.*

Theo trình bày của nguyên đơn và lời thừa nhận của bà Đ thì nguyên đơn có cho bà Đ vay nhiều lần tiền, hai bên tiến hành tổng kết nợ nhiều lần, lần cuối cùng là ngày 30/5/2023 và làm “*Giấy mượn tiền*” bà M và bà Đ cùng ký tên.

Nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Phú T cũng trực tiếp gặp nguyên đơn để vay tiền, tuy nhiên trong giấy mượn tiền ông T không có ký tên và ông T cũng không thừa nhận, còn bà M và bà Đ đều thống nhất xác định số tiền này vay cho cá nhân bà Đ. Mặt khác, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh ông T có sử dụng chung số tiền vay đó nên không có cơ sở để xác định ông T có nghĩa vụ liên đới.

[2.3] *Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc không đồng ý trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Phú T.*

Nguyên đơn đang giữ của ông T 02 giấy chứng nhận QSDĐ (bản gốc) thửa 386 và thửa 381; tờ bản đồ số 6; đất tọa lạc tại ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Nguồn gốc của 02 thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện được tặng cho, nhận thừa kế và do cá nhân ông T đứng tên. Hơn nữa, giữa nguyên đơn với bị đơn không có hợp đồng thế chấp QSDĐ và giấy chứng nhận QSDĐ không có đăng ký thế chấp với cơ quan có thẩm quyền. Mặt khác, ông T xác định việc bà Đ và bà M lấy 02 giấy chứng nhận giao cho bà N, ông không hay biết. Nguyên đơn giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T không có căn cứ pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn giao trả lại 02 chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Mai Thị N;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 09 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị N tổng số tiền 1.042.202.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ hai ngàn đồng). Trong đó: vốn gốc là 950.000.000đ và lãi là 92.202.000đ.

Kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Chấp nhận yêu cầu phân tố của ông Nguyễn Phú T.

Buộc bà Mai Thị N trả lại cho ông T 02 (hai) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 386 và thửa 381; tờ bản đồ số 6; đất tọa lạc tại ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04969 ngày 12/11/2018 và số CS05634 ngày 16/7/2019).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ liên đới chịu án phí số tiền 43.266.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bà Mai Thị N phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.478.000đ theo biên lai số 0006075 ngày 01/12/2023. Bà N còn được nhận lại số tiền 20.178.000 đồng (Hai chục triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Ông Nguyễn Phú T được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006101 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Mai Thị N phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006400 ngày 17/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền; bà N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh T1 – Phan Thị Tuyết Mai

Nguyễn Quyên